

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày 29-3-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Ân.

Ông Đỗ Văn Cảnh.

Bà Lê Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 22 và 29 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Thị Cao T sinh năm 1986 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô 03-C6b, đường số 14, Khu biệt thự P, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: môi giới bất động sản; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang T và bà Phan Thị Kim N; có chồng là ông Phan Phước T (đã ly hôn) và 01 người con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 19/9/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Mạnh H là Luật sư Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Phòng (có mặt).

2. Ông Đặng Đình M là Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Đình M thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Quảng Khoa T là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV TC&A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1995, nơi cư trú: Số nhà 32, đường HL 605, khu phố 04, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp 2, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Ông Phan Thành T, sinh năm 1984 và bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1983 cùng cư trú tại: Ấp 4, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (có mặt)

4. Bà Lý Kim K, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố 1, phường ĐH, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 170, khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

6. Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 1032/9B, khu phố C, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

7. Bà Trình Thị Tú V, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 1027/22/9, đường Nguyễn Chí T, tổ 73, khu 8, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

8. Ông Bùi Công H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 243, đường Nguyễn Hữu C, phường N, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

9. Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu phố M, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

10. Bà Lê Thị Hải Y, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 41/26, khu phố 6, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

11. Ông Trần Khắc N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 194, đường ĐX 70, tổ 48, khu phố 05, phường ĐH, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 27/13, đường ĐX 068, phường ĐH, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thụy Ngọc L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 5, đường Phạm Ngũ L, phường E, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có mặt).

3. Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 264/33/12, đường Nguyễn Thị Minh K, khu 3, Tổ 3, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

4. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: khu phố 7, phường Đỗ Thị H, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

5. Ông Tô Anh T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 263, đường Thích Quảng Đ, phường N, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Hải N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 693, đường 30/4, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

7. Ông Trương Quang T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 183, đường Nguyễn Hữu T, tổ dân phố 7, phường L, thành phố F, tỉnh Đắk Lắk (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

8. Bà Phan Thị Kim N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 183, đường Nguyễn Hữu T, tổ dân phố 7, phường L, thành phố F, tỉnh Đắk Lắk (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

9. Ông Trương Cao P, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 109, đường Nguyễn Văn H, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

10. Bà Trương Thị Cao T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 109, đường Nguyễn Văn H, tổ 10, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

11. Ông Võ Tường D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố G, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương (có mặt).

12. Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1993; nơi thường trú: Tổ 3, ấp 7, xã S, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

13. Ngân hàng Thương mại cổ phần P(viết tắt P), địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà ST, Số 111A, đường PA, phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2021, có mặt).

14. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc A, địa chỉ: Số 112, đường H, phường K, thành phố D, tỉnh Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc A– Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tấn C (văn bản ủy quyền ngày 19/3/2021, có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Thượng Bích D, sinh năm 1983 (vắng mặt).

2. Bà Đào Thị D, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Tất T, sinh 1997 (có mặt).

4. Ông Nguyễn Trần Đ, sinh năm 1985 (có mặt).

5. Ông Lý Chấn M, sinh năm 1984 (có mặt).

6. Bà Trần Thị H, sinh 1987 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Cao T sinh sống như vợ chồng với Võ Tường D (sinh năm 1984 là cán bộ Công an tỉnh Bình Dương đã nghỉ việc vào tháng 08/2019) từ khoảng giữa năm 2018 đến ngày 19/9/2019. Trương Thị Cao T có chị ruột tên Trương Thị Cao T, sinh năm 1984 làm nghề kinh doanh vải.

Trong quá trình sinh sống tại địa bàn thành phố D, Trương Thị Cao T có làm nghề môi giới bất động sản nên có mối quan hệ quen biết với nhiều người. Từ đó, Trương Thị Cao T nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối: Trương Thị Cao T đang kinh doanh vải rất thuận lợi, có lời cao và đang cần nguồn vốn để kinh doanh với số lượng nhiều hơn nên kêu gọi mọi người góp tiền đưa cho Trương Thị Cao T hùn vốn kinh doanh vải để được chia lợi nhuận. Khi các bị hại mới đưa tiền cho Trương Thị Cao T để góp vốn, Trương Thị Cao T thực hiện việc trả tiền gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn để tạo lòng tin cho các bị hại. Do vậy, các bị hại đã tin tưởng và nhiều lần đưa tiền cho Trương Thị Cao T nhằm góp vốn kinh doanh vải và cùng chia lợi nhuận. Trên thực tế, Trương Thị Cao T không làm kinh doanh vải và không sử dụng tiền của các bị hại đưa để mua bán vải mà lấy tiền của người sau để trả lãi, gốc cho người trước và tiêu xài cá nhân.

Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 8/2019, Trương Thị Cao T đã chiếm đoạt số tiền 81.304.400.000 đồng (tám mươi một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) của 11 (mười một) bị hại gồm Nguyễn Minh H, Lê Thị N, Phan Thành T cùng vợ là Lê Thị Hồng N, Lý Kim K, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thành Tr, Trình Thị Tú V, Bùi Công H, Nguyễn Duy Đ, Trần Khắc N và Lê Thị Hải Y. Giữa Trương Thị Cao T và các bị hại này có sổ sách ghi chép thể hiện số tiền góp vốn kinh doanh vải, các tài liệu này đã được kết luận giám định xác định là chữ viết, chữ ký, dấu Trình Thị Tú V tay của Trương Thị Cao T (Phụ lục số 01). Cụ thể như sau:

Đối với bị hại Nguyễn Minh H: Khoảng cuối năm 2017 đến ngày 19/9/2019, thông qua các mối quan hệ bạn bè, Trương Thị Cao T quen biết với ông Nguyễn Minh H, từ ngày 28/11/2018 đến ngày 08/8/2019, tại nhiều địa điểm khác nhau không xác định cụ thể thuộc địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, ông Nguyễn Minh H đã 05 lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền là 1.610.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm mười triệu đồng) thể hiện qua 05 giấy nhận tiền đề ngày: 28/11/2018, 10/4/2019 (02 giấy), 10/7/2019, 08/8/2019 (tài liệu thể hiện ở các bút lục số 53, 152, 153, 154 và 155). Cũng trong thời gian này, Trương Thị Cao T đã hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và nói là tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh vải.

Theo Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết và dấu Trình Thị Tú V tay trên 05 giấy nhận tiền đề các ngày 18/7/2019, 10/4/2019 (02 giấy), 10/7/2019, 08/8/2019 là của Trương Thị Cao Trương Thị Cao T.

Đối với bị hại Lê Thị N: Trương Thị Cao T quen biết với bà Lê Thị N thông qua mối quan hệ bạn bè. Từ tháng 3/2019 đến ngày 13/8/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, bà Lê Thị N nhiều lần đưa tiền mặt cho bị can Trương Thị Cao T với tổng số tiền là 22.930.000.000 đồng (hai mươi hai tỷ chín trăm ba mươi triệu), việc đưa tiền cho Trương Thị Cao T bà Nguyễn có ghi chép lại vào sổ và Trương Thị Cao T có ký xác nhận mỗi lần nhận tiền của bà Nguyễn (tài liệu thể hiện từ bút lục số 143 đến 150, bút lục số 1253 đến 1257) có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T; cũng trong thời gian này bị can Trương Thị Cao T đã hoàn trả lại số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) cho bà Lê Thị N và Trương Thị Cao T nói đây là tiền lợi nhuận kinh doanh vải.

Theo Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019 và số 464 ngày 06/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên tài liệu sổ ghi chép thể hiện từ bút lục số 143 đến 150, bút lục số 1253 đến 1257 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

Đối với bị hại Phan Thành T và Lê Thị Hồng N: thông qua bà Lê Thị N, Trương Thị Cao T biết ông Phan Thành T, sinh năm 1984 cùng vợ của ông Trung là bà Lê Thị Hồng N. Vào các ngày 08/8/2019, 12/8/2019 và 14/8/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, vợ chồng ông Phan Thành T và Lê Thị Hồng N đã 03 (ba) lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền 1.300.400.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu bốn trăm nghìn đồng), Trương Thị Cao T có ký nhận thể hiện tại các tài liệu bút lục số 178, 179, 180. Theo Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên các tài liệu bút lục số 178, 179, 180 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

Đối với bị hại Lý Kim K: khoảng giữa năm 2018, thông qua bà Trần Thị H (giáo viên Trường mầm non Phù Đồng – Khu dân cư N), Trương Thị Cao T quen biết với bà Lý Kim K. Trong tháng 02/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, bà Lý Kim K đã 03 (ba) lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T, đến ngày 22/02/2019 Trương Thị Cao T ký xác nhận đã nhận số tiền 2.875.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng) của bà Lý Kim K (tài liệu là sổ ghi chép thể hiện tại bút lục số 174 theo Kết luận giám định 409 ngày 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T).

Ngoài ra, trong tháng 5/2019, tại nhà của ông Tô Anh T1, bà Lý Kim K đưa tiền mặt cho ông Tô Anh T1 với số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo yêu cầu của Trương Thị Cao T nhờ ông Tô Anh T1 đến lấy giúp để về đưa lại cho Trương Thị Cao T. Việc này, được ông Tô Anh T1 xác nhận và Trương Thị Cao T cũng thừa nhận. Như vậy, bà Lý Kim K đã đưa cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền 4.375.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), sau đó Trương Thị Cao T đã đưa lại cho bà Lý Kim K số tiền 1.040.000.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) tiền lợi nhuận kinh doanh vải.

Đối với bị hại Nguyễn Thị Thanh T: khoảng tháng 9/2018 thông qua bà Trình Thị Tú V, Trương Thị Cao T bắt đầu làm quen và chơi thân với bà Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm 1985, nơi cư trú: khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương). Từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/5/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, bà Nguyễn Thị Thanh T nhiều lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền là 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Trương Thị Cao T nhận tiền của bà Nguyễn Thị Thanh T được bà Nguyễn Thị Thanh T ghi chép vào sổ và Trương Thị Cao T có ký nhận trên sổ sách ghi chép thể hiện tại các bút lục số 78, 79, 80, 85 và 87. Sau đó, Trương Thị Cao T đã giao lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 24.760.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu) và nói đây là tiền lợi nhuận kinh doanh vải.

Theo Kết luận giám định số 377 ngày 24/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên tài liệu sổ ghi chép thể hiện từ bút lục số 143 đến 150 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

- Đối với bị hại Nguyễn Thành Tr: Theo yêu cầu của Trương Thị Cao T, ngày 16/8/2019 ông Nguyễn Thành Tr (sinh năm 1985 là chồng của bà Nguyễn Thị Thanh T) chuyển vào tài khoản Vietcombank của Trương Cao P (em ruột của Trương Thị Cao T) số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) với mục đích góp vốn kinh doanh vải cùng với bị can Trương Thị Cao T, sau đó Trương Cao P rút tiền giao lại cho Trương Thị Cao T.

- Đối với bị hại Trình Thị Tú V: Trình Thị Tú V quen biết Trương Thị Cao T từ năm 2015 qua việc nhờ Trương Thị Cao T môi giới bán bất động sản cho Trình Thị Tú V. Từ ngày 17/7/2018 đến ngày tháng 5/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, bà Trình Thị Tú V nhiều lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền là 82.526.000.000 đồng (tám mươi hai tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu đồng). Việc giao nhận tiền giữa Trình Thị Tú V và Trương Thị Cao T có ghi chép lại bằng sổ sách, Trương Thị Cao T có ký nhận (thể hiện tại các bút lục từ 103 đến 139). Cũng trong thời gian góp vốn kinh doanh vải, Trương Thị Cao T đã giao lại cho bà Trình Thị Tú V tổng số

tiền 40.872.000.000 đồng (bốn mươi tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu đồng) và nói đây là tiền lợi nhuận kinh doanh vãi.

Theo Kết luận giám định số 377 ngày 24/9/2019 và số 464 ngày 06/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên tài liệu sổ ghi chép thể hiện từ bút lục số 103 đến 139 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

Đối với bị hại Bùi Công H: khoảng giữa năm 2019, Trương Thị Cao T quen biết Bùi Công H. Vào các ngày 26/6/2019, 08/7/2019 và ngày 19/7/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, ông Bùi Công H đã 03 (ba) lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền là 3.080.000.000 đồng (ba tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) thể hiện việc giao nhận tiền giữa Trương Thị Cao T, Bùi Công H bằng các giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T (tài liệu bút lục từ 158, 159 và 161); sau đó Trương Thị Cao T đã giao lại cho ông Bùi Công H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và nói đây là tiền lợi nhuận kinh doanh vãi.

Theo Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên Giấy mượn tiền đề ngày 26/6/2019, 08/7/2019 và ngày 19/7/2019 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

Đối với bị hại Nguyễn Duy Đ: ông Nguyễn Duy Đ là bạn của ông Bùi Công H, vào ngày 17/7/2019, tại địa điểm không xác định trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, ông Nguyễn Duy Đ đã 01 (một) lần đưa tiền mặt cho bị can Trương Thị Cao T với số tiền là 820.000.000 đồng (trong đó ông Bùi Công H góp 220.000.000 đồng) (tài liệu là Giấy mượn thể hiện tại bút lục từ 160 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T).

Theo Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên Giấy mượn tiền đề ngày 17/7/2019 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

Đối với bị hại Lê Thị Hải Y: Trương Thị Cao T và Lê Thị Hải Y có mối quan hệ quen biết từ khoảng cuối năm 2018. Vào các ngày 14 và 22/8/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, bà Yến đã 02 (hai) lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền là 535.000.000 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu đồng), có thể hiện bằng giấy mượn tiền và Trương Thị Cao T có ký nhận (bút lục 162 và 163); sau đó Trương Thị Cao T đã giao lại cho bà Yến số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Theo Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên Giấy mượn tiền đề ngày 14 và 22/8/2019 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

Đối với bị hại Trần Khắc N: thông qua bà Lê Thị Hải Y, Trương Thị Cao T quen biết ông Trần Khắc N. Vào các ngày 15 và 22/8/2019, tại các địa điểm trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương, ông Ngân đã 02 (hai) lần đưa tiền mặt cho Trương Thị Cao T với tổng số tiền là 445.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng), có thể hiện bằng giấy mượn tiền và Trương Thị Cao T có ký nhận (bút lục 171 và 172); sau đó Trương Thị Cao T đã giao lại cho ông Trần Khắc N số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Theo Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Trên Giấy mượn tiền đề ngày 15 và 22/8/2019 có chữ ký, chữ viết của Trương Thị Cao T.

Đối với 11 bị hại nêu trên, đã giao cho Trương Thị Cao T tổng số tiền là 152.571.400.000 đồng (một trăm năm mươi hai tỷ năm trăm bảy mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng); tổng số tiền gốc và lãi Trương Thị Cao T đã trả về cho các bị hại là 71.267.000.000 đồng (bảy mươi một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng); số tiền Trương Thị Cao T thực tế chiếm đoạt của các bị hại là 81.304.400.000 đồng (tám mươi một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, trong quá trình điều tra còn có 07 cá nhân: Nguyễn Thành Tr, Nguyễn Thị O, Huỳnh Thị Ngọc L, Phan Thị Kim C, Nguyễn Hùng A, Đỗ Thị H, Tô Anh T1 có đơn tố giác thể hiện: trong thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 8/2019, các bị hại này đã đưa cho Trương Thị Cao T tổng số tiền 65.866.000.000 đồng (sáu mươi lăm tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng) với mục đích góp vốn kinh doanh vãi cùng với Trương Thị Cao T theo lời kêu gọi góp vốn của Trương Thị Cao T nhưng các bị hại này không yêu cầu Trương Thị Cao T ký nhận tiền, đến nay Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu chứng cứ chứng minh việc các ông, bà nói trên giao tiền cho Trương Thị Cao T. Do vậy, không đủ căn cứ để chứng minh Trương Thị Cao T đã chiếm đoạt tiền của các ông bà Nguyễn Thành Tr, Nguyễn Thị O, Huỳnh Thụy Ngọc L, Phạm Thị Kim C, Nguyễn Hùng A, Đỗ Thị H và Tô Anh T1 (Phụ lục số 02).

Năm 2016, Tô Anh T1 làm nghề tài xế taxi công nghệ (Grab), Trương Thị Cao T thường xuyên thuê xe của Tô Anh T1 nên Tô Anh T1 có quan hệ quen thân với Trương Thị Cao T. Trương Thị Cao T có nói cho Tô Anh T1 biết đang kinh doanh vãi. Trong thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 5/2019, Trương Thị Cao T đã 21 lần đưa tiền mặt (thấp nhất là 9.250.000 đồng, cao nhất là 750.000.000 đồng) cho Tô Anh T1 và nhờ Tô Anh T1 chuyển khoản cho nhiều người, trong đó có chuyển khoản cho các bị hại Nguyễn Thị O, Trình Thị Tú V, Lý Kim K, chuyển khoản cho Nguyễn Hải N (người mua nhà của Trương Thị Cao T), chuyển khoản cho Trương Thị Cao T, chuyển khoản cho người bán hàng online,...cũng trong tháng 5/2019, bị hại Lý Kim K giao Tô Anh T1 số tiền

1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), sau đó Tô Anh T1 đưa lại số tiền này cho Trương Thị Cao T.

Ngày 28/5/2018 và 05/6/2018, Trương Thị Cao T chuyển vào tài khoản Vietcombank của Trương Thị Cao T1 (chị ruột của bị can Trương Thị Cao T) với số tiền lần lượt là 69.976.900 đồng (sáu mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm đồng) và 59.980.200 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng) Trương Thị Cao T khai để trả nợ cho Thúy. Ngày 26/9/2018, Trương Thị Cao T đưa Tô Anh T1 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và nhờ Toàn chuyển số tiền này vào tài khoản Vietcombank của Thúy với mục đích để trả nợ cho Thúy. Ngày 16/5/2019, Trương Thị Cao T mượn 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) của Lê Thị Hải Y và yêu cầu Yến chuyển số tiền này vào tài khoản Vietcombank của Thúy cũng với mục đích để trả nợ cho Thúy. Ngày 28/4/2019, Trương Thị Cao T nói với Nguyễn Thị Thanh T đang kinh doanh vải cùng với Thúy, yêu cầu Thuận chuyển vào tài khoản Vietcombank của Thúy với số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) với nội dung “thuan thanh toan tien hang”.

Ngày 14 và 16/8/2020, Trương Thị Cao T lần lượt chuyển vào tài khoản Vietcombank của Trương Cao P (em ruột của bị can Trương Thị Cao T) số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) và 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); do thời điểm này nhiều người buộc Trương Thị Cao T trả nợ nên Trương Thị Cao T không nhớ mục đích chuyển tiền cho Phong. Cũng trong ngày 16/8/2019, với thủ đoạn huy động vốn kinh doanh vải, Trương Thị Cao T yêu cầu bị hại Nguyễn Thành Tr đưa tiền bằng hình thức chuyển vào tài khoản Vietcombank của Phong với số tiền 01 tỷ đồng, cùng ngày Phong đã rút số tiền này và đưa lại cho Trương Thị Cao T.

Ngày 10/7/2018 bị can Trương Thị Cao T đưa Tô Anh T1 10.000.000 đồng và nhờ Toàn chuyển số tiền này vào tài khoản của ông Trương Quang T (cha ruột của Trương Thị Cao T). Ngày 01/3/2019 Trương Thị Cao T tiếp tục đưa Tô Anh T1 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và nhờ Toàn chuyển số tiền này vào tài khoản của ông Tòa. Ngày 03/4/2019, Trương Thị Cao T chuyển số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào tài khoản Vietcombank của bà Phan Thị Kim N (mẹ ruột của Trương Thị Cao T).

Khoảng giữa năm 2018 đến tháng 9/2019, Võ Tường D và Trương Thị Cao T sinh sống với nhau như vợ chồng, từ ngày 05/01/2018 đến ngày 09/4/2019, Trương Thị Cao T và Trương Thị Cao T đã 05 lần chuyển vào tài khoản BIDV của Duy với tổng số tiền 11.500.000 đồng, nguồn tiền này là của Duy đưa Trương Thị Cao T và Duy mượn của Thúy nhờ nộp dùm vào tài khoản để trả lãi ngân hàng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Civic RS mang biển kiểm soát 61A-612.19 (chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản chính) do ngân hàng Thương mại Cổ phần Pchi nhánh Bình Dương, Phòng giao dịch D đang lưu giữ.

- 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03266 và CS03267 do Trương Thị Cao T đứng tên người sử dụng đất tại xã L, huyện Z, tỉnh Bình Phước do Ủy ban nhân dân huyện Z cấp cho Trương Thị Cao T.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia (E0168) màu đen (kèm theo sim Vinaphone) máy đã hư thu giữ tại nhà Trương Thị Cao T.

- 02 (hai) thẻ nhớ và 01 (một) thẻ sim.

- 01 (một) đầu thu Camera có ký hiệu Hikvision.

- 02 (hai) thẻ ATM mang tên Trương Thị Cao T do các ngân hàng Techcombank, BIDV cấp cho Trương Thị Cao T.

- 03 (ba) thẻ đa năng của Ngân hàng Đông Á cấp cho Trương Thị Cao T, Trương Thị Cao T, Phan Trung Nghĩa.

- 01 (một) thẻ ATM mang tên Phan Phước T do Ngân hàng Vietcombank cấp cho Tài.

- 01 (một) thẻ tài khoản số 13697888 do Ngân hàng ACB cấp cho Trương Thị Cao T.

- 01 (một) thẻ Vietinbank mang tên Phan Thị Hồng O, số 0711A55773605.

- 02 (hai) mặt dây chuyền và 01 (một) đôi bông tai vàng trắng (loại vàng 75%), có trọng lượng chín phân hai.

- 01 (một) hoa tai kim loại màu vàng (loại vàng 98%), có trọng lượng chín phân chín.

Ngoài ra, trong quá trình khám xét nơi ở của Trương Thị Cao T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương còn thu giữ xe ô tô nhãn hiệu Mazda mang biển kiểm soát 61A-540.07 và xe ô tô nhãn hiệu Honda Jazz mang biển kiểm soát 61A-512.13. Quá trình điều tra xác định: xe ô tô con nhãn hiệu Mazda mang biển kiểm soát 61A-540.07 do bà Trình Thị Tú V đứng tên chủ sở hữu; xe ô tô nhãn hiệu Honda Jazz mang biển kiểm soát 61A-512.13 do Công ty TNHH MTV Vạn Hưng Vạn Phát đứng tên chủ sở hữu (bà Trình Thị Tú V là người đại diện theo pháp luật). Ngày 06/12/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định xử lý vật chứng đối với 02 xe ô tô trên bằng hình thức giao trả cho bà Trình Thị Tú V.

Tài sản kê biên liên quan đến vụ án:

Ngày 30/7/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã tiến hành kê biên 03 (ba) thửa đất do Trương Thị Cao T đứng tên

người sử dụng đất gồm: 02 thửa đất số 602, 603 cùng thuộc tờ bản đồ số 18, diện tích lần lượt là 300,2m² và 299m², tại: ấp 5, xã L, huyện Z, tỉnh Bình Phước; thửa số 516, tờ bản đồ số 41, diện tích 100m², tại: phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tại Cáo trạng số: 39/CT-VKS.P21, ngày 09 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố Trương Thị Cao T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Trương Thị Cao T đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với các bị hại, rồi này sinh ý định và đưa ra thông tin gian dối là Trương Thị Cao T đang kinh doanh vải rất thuận lợi, lợi nhuận cao và đang cần nguồn vốn để kinh doanh với số lượng nhiều hơn nên kêu gọi các bị hại góp tiền đưa cho Trương Thị Cao T hùn vốn kinh doanh vải để được chia lợi nhuận nhằm chiếm đoạt tài sản. Trên thực tế, Trương Thị Cao T không làm kinh doanh vải và cũng không sử dụng tiền của các bị hại đưa để mua bán vải, mà lấy tiền của người sau để trả lãi, gốc cho người trước và tiêu xài cá nhân. Trong thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 8/2019, Trương Thị Cao T đã chiếm đoạt số tiền hơn 75 tỷ đồng của 11 bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử bị cáo Trương Thị Cao T mức án chung thân.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại: Nguyễn Minh H số tiền 1.410.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm mười triệu đồng), Lê Thị Hồng N và Phan Thành T số tiền 1.300.400.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu bốn trăm nghìn đồng), Nguyễn Thành Tr số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), Bùi Công H số tiền 2.170.000.000 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng), Nguyễn Duy Đ số tiền 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng), Lê Thị Hải Y số tiền 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), Nguyễn Khắc N số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), Trình Thị Tú V số tiền 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng), Lý Kim K số tiền 3.335.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), Lê Thị N số tiền 18.930.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh T số tiền 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).. Ngoài ra, Trương Thị Cao T chưa thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc A liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của công ty nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải thanh toán cho công ty Đầu tư Phát triển Địa ốc A số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp: đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Civic RS mang biển kiểm soát 61A-612.19; quyền sử dụng đất thửa số 516, tờ bản đồ số 41, diện tích 100m² tại: phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương là tài sản Trương Thị Cao T đã thế chấp tại Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao các tài sản trên cho Ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật. Tiếp tục kê biên các quyền sử dụng đất còn lại của Trương Thị Cao T để đảm bảo thi hành án. Đối với các vật chứng thu giữ không còn giá trị sử dụng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Cao T Luật sư Nguyễn Mạnh H trình bày tranh luận: Về tội danh, khung hình phạt, người bào chữa không tranh luận, tuy nhiên quá trình điều tra cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã không khách quan khi xác định số tiền bị hại đã bị chiếm đoạt, như các trường hợp của các bị hại: Lê Thị N, Trình Thị Tú V, Nguyễn Thị Thanh T và Bùi Công H. Bị hại Trình Thị Tú V xác định tại phiên tòa có nhận gốc, lãi 4 tỷ đồng như vậy có thể xác định được gốc lãi để trừ ra trong tổng số chiếm đoạt. Bị hại Thuận thừa nhận nhận lại của Trương Thị Cao T 24 tỷ đồng. Bị hại Nguyên thừa nhận lãi 10% đến 20% trên số ngày thanh toán tiền từ 10 đến 15 ngày. Đối với bị hại Huỳnh, Viện kiểm sát đã cộng số tiền của bị hại Đức vào tiền của bị hại Huỳnh. Căn cứ vào kết quả đối chất giữa các bị hại và bị cáo, có đủ cơ sở xác định bản chất của vụ việc là các bị hại cho bị cáo vay với lãi suất cao nhưng Cơ quan cảnh sát chưa điều tra làm rõ trách nhiệm của một số bị hại về hành vi cho vay lãi nặng. Với tính chất, mức độ phạm tội, hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, quyết định mức án tương xứng nhằm giáo dục cải tạo bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Cao T Luật sư Nguyễn Đình Mạnh trình bày tranh luận: M quan điểm bào chữa của luật sư đồng nghiệp, tại phiên tòa các bị hại đã trả lời bị cáo Trương Thị Cao T thiếu phải trả, bản chất của kinh doanh là có lời, có lỗ nhưng các bị hại chỉ tính lời, không tính lỗ nên có cơ sở xác định đây là hành vi vay mượn với lãi suất cao. Đề nghị xem xét vai trò của những bị hại này. Xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trương Thị Cao T.

Bị cáo Trương Thị Cao T không bổ sung ý kiến tranh luận.

Bị hại Lê Thị Hồng N tranh luận: Bà Na không cho Trương Thị Cao T vay mà bà Na cùng bị cáo đầu tư theo từng đơn hàng. Người bào chữa cho rằng bà Na cho vay lãi nặng là không đúng, mỗi đơn hàng Trương Thị Cao T đều chủ động điện thoại, nói mức lợi nhuận thu được trong thời gian bao lâu, nếu có vốn thì đầu tư, cả hai cùng lời. Trương Thị Cao T chưa bao giờ nói với bà là hàng

không bán được hay không sinh lời. Trương Thị Cao T chủ động điện thoại kêu gọi đầu tư, chủ động báo mức lời, nên bà Na không thể biết Trương Thị Cao T lỗ vốn hay không. Bà chỉ yêu cầu Trương Thị Cao T trả lại vốn, trong đó có đơn hàng 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nhưng bà viết nhầm thành 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Trương Thị Cao T cũng thừa nhận có 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), nhưng có đơn hàng nào của Trương Thị Cao T cần bà Na hùn vốn với số tiền 400.000 đồng hay không. Bà Lê Thị Hồng N đề nghị Trương Thị Cao T trả số tiền 1.300.400.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông Phan Thành T M tranh luận của bà Na, không bổ sung.

Bà Trình Thị Tú V tranh luận: M như trình bày của bị hại Lê Thị Hồng N, Trương Thị Cao T là người chủ động liên hệ với bị hại để hùn vốn làm ăn; bị cáo gửi hình ảnh làm vải, kho vải, nhận vải để kêu gọi đầu tư. Người bào chữa cho rằng bà Trình Thị Tú V khai không chính xác số tiền thì căn cứ vào tài liệu giám định: tổng số tiền bà đưa cho bị cáo Trương Thị Cao T hơn 80 tỷ đồng, đã nhận lại khoảng 41 tỷ đồng, còn nợ gần 40 tỷ đồng chứ không phải số tiền bà yêu cầu phải trả là 35 tỷ đồng. Tuy nhiên, bà chỉ yêu cầu bị cáo hoàn trả bà số tiền 35 tỷ đồng.

Bị hại Lê Thị N tranh luận: Bà không cho Trương Thị Cao T vay tiền, giấy tờ chứng minh là giấy đặt cọc mua vải. Tại cơ quan điều tra, tại biên bản đối chất nói lãi suất 10% đến 20% như người bào chữa quy kết không phải bà cho vay lãi suất 10% hay 20% mà bà tính số tiền lợi nhuận Trương Thị Cao T đưa ra tương đương số đó, đầu tư lời hay lỗ đều do Trương Thị Cao T thông báo, bà không biết bao nhiêu mà đặt điều kiện. Người bào chữa cố ý nói bà cho vay lãi nặng thì cung cấp chứng cứ. Trương Thị Cao T đưa thông tin về kho vải, về đơn hàng, về hình ảnh vận chuyển vải...thậm chí mua xe để chở vải, quy mô như vậy nên bà đã tin hoàn toàn Trương Thị Cao T đang kinh doanh vải với lợi nhuận rất cao, bà yêu cầu Trương Thị Cao T trả cho bà số tiền 18.930.000.000 đồng (mười tám tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng).

Bị hại Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Quá trình điều tra bà có sự nhầm lẫn, tổng số tiền bà giao cho Trương Thị Cao T theo sổ sách hơn 80 tỷ đồng, bà có khai nhận đã nhận lại của Trương Thị Cao T số tiền 24.760.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) nên mới yêu cầu Trương Thị Cao T trả lại số tiền 61.890.000.000 đồng (sáu mươi một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng). Nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra xác định Trương Thị Cao T chỉ có nhận của bà số tiền 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) là căn cứ vào sổ sách, giấy tờ có chữ ký của bị cáo Trương Thị Cao T nhưng không xem xét các khoản khác. Do Trương Thị Cao T không có thiện chí và không trung thực nên tại phiên tòa hôm nay, bà yêu cầu Hội đồng xét xử buộc Trương Thị Cao T trả cho bà số tiền 61.890.000.000 đồng (sáu mươi một

tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng), đây là số tiền thực tế bà bỏ ra đưa Trương Thị Cao T mà chưa nhận lại. Nếu Trương Thị Cao T cho rằng đã trả cho bà số tiền 24.760.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) thì đề nghị Trương Thị Cao T phải chứng minh. Trên thực tế số tiền 24.760.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) bà nhận lại là trong tổng số hơn 80 tỷ đồng bà đã giao cho Trương Thị Cao T.

Bị hại ông Nguyễn Thành Tr tranh luận: Ông yêu cầu bị cáo Trương Thị Cao T trả cho ông số tiền 17.600.000.000 đồng (mười bảy tỷ sáu trăm triệu đồng).

Bị hại ông Bà Lý Kim K yêu cầu bị cáo Trương Thị Cao T trả lại số tiền 3.335.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Bị hại ông Nguyễn Minh H yêu cầu Trương Thị Cao T hoàn trả số tiền 1.410.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm mười triệu đồng).

Bị hại ông Bùi Công H yêu cầu Trương Thị Cao T hoàn trả số tiền 2.170.000.000 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

Bị hại Nguyễn Duy Đ yêu cầu Trương Thị Cao T bồi thường số tiền 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng).

Bị hại Lê Thị Hải Y yêu cầu Trương Thị Cao T hoàn trả 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Bị hại Trần Khắc N yêu cầu Trương Thị Cao T hoàn trả 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày tranh luận:

Bà Nguyễn Thị O cho rằng đã đưa cho bị cáo Trương Thị Cao T khoảng 33 tỷ đồng, nhưng không có làm giấy tờ chỉ ghi âm được đoạn trao đổi có liên quan đến 10 tỷ đồng nên yêu cầu Trương Thị Cao T hoàn trả cho bà Oanh 10 tỷ đồng.

Bà Huỳnh Thị Ngọc L: Bà đã đưa cho Trương Thị Cao T tổng cộng 2,7 tỷ đồng nhưng không làm giấy tờ, bà yêu cầu Trương Thị Cao T trả cho bà 2,7 tỷ đồng.

Bà Phan Thị Kim C đã đưa cho Trương Thị Cao T 5.159.000.000 đồng (năm tỷ một trăm năm mươi chín triệu đồng), nhưng không làm giấy tờ, bà đã nhận lại 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), yêu cầu bị cáo Trương Thị Cao T trả lại số tiền 4.695.000.000 đồng (bốn tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Ông Tô Anh T1 yêu cầu bị cáo Trương Thị Cao T trả lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ông Tô Anh T1 đưa cho bị cáo Trương Thị Cao T mà không làm giấy tờ.

Ông Nguyễn Hùng A, bà Đỗ Thị H không tiếp tục yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: Đối với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại, quá trình điều tra cũng như kết quả xét hỏi tại phiên tòa đã làm rõ không đủ chứng để xem xét xử lý về hành vi cho vay lãi nặng của các bị hại, nếu người bào chữa cho bị cáo có đủ căn cứ để chứng minh hành vi cho vay lãi nặng của các bị hại thì có thể kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra làm rõ. Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm truy tố và đề nghị tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thực sự rất ăn năn hối cải, xin lỗi các bị hại; mong Hội đồng xét xử và các bị hại cho các bị cáo một cơ hội, có điều kiện trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Cao T luật sư Quảng Khoa T (Luật sư Công ty Luật TNHH MTV TC&A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt, tại phiên tòa bị cáo Trương Thị Cao T đồng ý xét xử vắng mặt luật sư Quảng Khoa T, căn cứ vào Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Cao T khai nhận:

Bị cáo không kinh doanh vải, cũng không hùn hạp kinh doanh vải với bà Trương Thị Cao T, bị cáo làm môi giới bất động sản, qua tìm hiểu bị cáo nghĩ rằng mình có thể kinh doanh vải và kiếm được lợi nhuận nên bị cáo đã chủ động kêu gọi các bị hại hùn vốn cùng kinh doanh vải để cùng chia lợi nhuận. Hình thức bị cáo kêu gọi các bị hại hùn vốn là bị cáo tự chuẩn bị hóa đơn, đơn hàng và sao chụp các hình ảnh về kho vải, dẫn các bị hại đến kho để xem vải, tạo lòng tin để các bị hại đầu tư vốn. Bị cáo không kinh doanh nhưng nói dối là kinh doanh vải nên sau khi huy động vốn của những bị hại tiếp theo, bị cáo dùng tiền

đó trả một phần cho các bị hại trước đó (nói với họ rằng một phần tiền vốn đầu tư và lợi nhuận của việc kinh doanh vải) nhằm tạo lòng tin cho các bị hại. Trên thực tế, bị cáo không kinh doanh vải mà dùng tiền vào việc tiêu xài cá nhân, do số tiền ngày càng lớn, bị cáo không còn khả năng hoàn trả và đã bỏ trốn. Ngày 19/9/2019, bị cáo đã đến Cơ quan công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Trương Thị Cao T thừa nhận đã đưa ra thông tin gian dối để nhận tiền của các bị hại: Nguyễn Minh H, Bùi Công H, Lê Thị Hải Y, Trần Khắc N, Nguyễn Duy Đ, bà Lê Thị Hồng N và ông Phan Thành T, Nguyễn Thành Tr (đối với số tiền 1 tỷ đồng) như các bị hại này trình bày. Còn đối với bị hại Lê Thị N đã trả lại hết nhưng do tin tưởng nên Trương Thị Cao T không cho bà Lê Thị N ký nhận. Trương Thị Cao T đã trả lại tiền cho bà Nguyễn Thị Thanh T và còn nợ bà Nguyễn Thị Thanh T theo biên bản đối chất số tiền khoảng 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng). Đối với bị hại Trình Thị Tú V, bị hại Lý Kim K, bị cáo đã trả lại hết số tiền đã nhận. Do đó, tổng số tiền bị cáo chưa trả không nhiều như các bị hại trình bày.

Các bị hại Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị N, Lý Kim K cho rằng Trương Thị Cao T chưa hoàn trả tiền cho các bị hại. Do vậy bà Lê Thị N yêu cầu Trương Thị Cao T tiếp tục trả số tiền 18.930.000.000 đồng (mười tám tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu hoàn trả 61.890.000.000 đồng (sáu mươi một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng), bà Trình Thị Tú V yêu cầu hoàn trả số tiền 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Cao T đã thừa nhận hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc kinh doanh vải nhằm thu hút số tiền đầu tư từ những bị hại, tuy nhiên Trương Thị Cao T không kinh doanh mà chiếm đoạt số tiền của các bị hại: Nguyễn Minh H 1.410.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm mười triệu đồng), bà Lê Thị Hồng N và ông Phan Thành T số tiền 1.300.400.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu bốn trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Thành Tr số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), ông Bùi Công H số tiền 2.170.000.000 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng), Nguyễn Duy Đ số tiền 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng), Lê Thị Hải Y số tiền 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), Nguyễn Khắc N số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

[3.1] Đối với bị hại Trình Thị Tú V, Lý Kim K, Lê Thị N: mặc dù bị cáo không thừa nhận và cho rằng đã trả lại, tất toán tất cả các khoản tiền các bị hại đã đưa cho bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, các Kết luận giám định số 409 ngày 18/10/2019, số 377 ngày 24/9/2019, số 464 ngày 06/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đủ cơ sở xác định bị cáo Trương Thị Cao T chiếm đoạt của bị hại Trình Thị Tú V số tiền 41.654.000.000 đồng (bốn mươi một tỷ sáu trăm năm

mười bốn triệu đồng), Lý Kim K số tiền 3.335.000.000 (ba tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), Lê Thị N số tiền 18.930.000.000 đồng (mười tám triệu chín trăm ba mươi triệu đồng).

[3.2] Đối với bị hại Nguyễn Thị Thanh T, quá trình điều tra, bà Thuận tố cáo bị cáo chiếm đoạt số tiền 61.890.000.000 đồng (sáu mươi một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng), nhưng chỉ có căn cứ xác định bị cáo Trương Thị Cao T đã nhận của bà Thuận số tiền 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) (theo Kết luận giám định). Qua điều tra cũng xác định bà Thuận đã nhận lại số tiền 24.760.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng), tuy nhiên, tại phiên tòa bà Thuận cho rằng bà đưa cho Trương Thị Cao T số tiền khoảng hơn 81.000.000.000 đồng (tám mươi một tỷ đồng) vì đã nhận lại khoảng hơn 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) nên khi tố cáo đã khai nhận số tiền hơn 61.000.000.000 đồng (sáu mươi một tỷ đồng). Cơ quan điều tra chỉ được chấp nhận theo Kết luận giám định có chữ ký của bị cáo Trương Thị Cao T là 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), số tiền 24.760.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) bà khai nhận không nằm trong số tiền 61.980.000.000 đồng (sáu mươi một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng), bị cáo Trương Thị Cao T cũng không chứng minh được bà Nguyễn Thị Thanh T đã nhận lại, như vậy bà vẫn tiếp tục yêu cầu bị cáo Trương Thị Cao T hoàn trả cho bà số tiền 61.890.000.000 đồng (sáu mươi một tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) đã nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu bà Thuận cung cấp đã được cơ quan điều tra giám định chỉ có căn cứ bị cáo Trương Thị Cao T đã nhận của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), số tiền 24.760.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh T không thừa nhận đã nhận lại cũng không căn cứ nào khác chứng minh bị cáo Trương Thị Cao T đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Do vậy, có cơ sở xác định số tiền bị cáo Trương Thị Cao T chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Thanh T là 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

[3.3] Như vậy, tổng số tiền bị cáo Trương Thị Cao T thực tế chiếm đoạt của 11 bị hại là 105.244.400.000 đồng (một trăm lẻ năm tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), cáo trạng Viện kiểm sát xác định số tiền bị cáo Trương Thị Cao T chiếm đoạt của 11 bị hại 81.304.400.000 đồng (tám mươi một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) là chưa chính xác. Hành vi của bị cáo Trương Thị Cao T đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền chiếm đoạt là 105.244.400.000 đồng (một trăm lẻ năm tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do vậy hành vi của bị cáo đã hội đủ các yếu tố cấu

thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3.4] Đối với ông Nguyễn Thành Tr cho rằng đã giao cho bị cáo Trương Thị Cao T số tiền 16.300.000.000 đồng (mười sáu tỷ ba trăm triệu đồng), bà Oanh cho rằng đã đưa cho bị cáo Trương Thị Cao T số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), bà Lam số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), bà Cúc số tiền 4.695.000.000 đồng (bốn tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng), ông Tô Anh T1 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), Nguyễn Hùng A số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); quá trình điều tra các ông, bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã đưa tiền cho bị cáo Trương Thị Cao T nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý bị cáo Trương Thị Cao T về hành vi chiếm đoạt số tiền của các ông, bà là phù hợp.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý tin báo tố giác tội phạm. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản với số tiền lớn ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông bà tham gia cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hình phạt Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Trương Thị Cao T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo Trương Thị Cao T hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt, cụ thể Nguyễn Minh H số tiền 1.410.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm mười triệu đồng), bà Lê Thị Hồng N và ông Phan Thành T số tiền 1.300.400.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu bốn trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Thành Tr số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), ông Bùi Công H số tiền 2.170.000.000 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng), Nguyễn Duy Đ số tiền 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng), Lê Thị Hải Y số tiền 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), Nguyễn Khắc N số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), Trình Thị Tú V số tiền 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng), Lý Kim K số tiền 3.335.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), Lê Thị N số tiền 18.930.000.000 đồng (mười tám tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bà Nguyễn Thị Thanh T, yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 61.890.000.000 đồng (sáu mươi một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng) là không có căn cứ chấp nhận, chỉ có căn cứ chấp nhận số tiền 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thành Tr yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 16.300.000.000 đồng (mười sáu tỷ ba trăm triệu đồng) là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc A, quá trình điều tra xác định Trương Thị Cao T có nhận chuyển nhượng của Công ty A 02 (hai) quyền sử dụng đất số CS03266 và CS03267 tại xã L, huyện Z, tỉnh Bình Phước và chưa thanh toán số tiền còn lại là 20.000.000 đồng. Do hiện tại, hai thửa đất trên đã bị Cơ quan điều tra kê biên nên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc A cũng yêu cầu Trương Thị Cao T hoàn trả cho Công ty số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Xét thấy yêu cầu của công ty là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Civic RS mang biển kiểm soát 61A-612.19 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản chính) do ngân hàng TMCP Pchi nhánh Bình Dương Phòng giao dịch thành phố D đang lưu giữ), quyền sử dụng đất thửa số 516, tờ bản đồ số 41, diện tích 100m², tại: phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương đã bị kê biên trong quá trình điều tra. Quá trình điều tra xác định bị cáo Trương Thị Cao T đã thế chấp các tài sản trên cho Ngân hàng TMCP P để đảm bảo các khoản nợ vay. Việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do vậy, cần giao lại các tài sản trên cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Việc xử lý tài sản thế chấp, nếu các bên có tranh chấp được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với quyền sử dụng đất số của bị cáo Trương Thị Cao T đã bị kê biên trong quá trình điều tra sẽ tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án.

Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia (E0168) màu đen (kèm theo sim Vinaphone) máy đã hư thu giữ tại nhà Trương Thị Cao T là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, đã hư hỏng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 (hai) mặt dây chuyền và 01 (một) đôi hoa tai vàng trắng (loại vàng 75%), có trọng lượng chín phân hai; 01 (một) hoa tai kim loại màu vàng (loại vàng 98%), có trọng lượng chín phân chín là tài sản của bị cáo Trương Thị Cao T, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 (hai) thẻ nhớ và 01 (một) thẻ sim; 01 (một) đầu thu camera có ký hiệu Hikvision ; 02 (hai) thẻ ATM mang tên Trương Thị Cao T do các Ngân hàng Techcombank, BIDV cấp cho Trương Thị Cao T; 03 (ba) thẻ đa năng của Ngân hàng Đông Á cấp cho Trương Thị Cao T, Trương Thị Cao T1, Phan Trung Nghĩa; 01 (một) thẻ ATM mang tên Phan Phước T do Ngân hàng Vietcombank cấp cho Tài; 01 (một) thẻ tài khoản số 13697888 do Ngân hàng ACB cấp cho Trương Thị Cao Trương Thị Cao T; 01 (một) thẻ Vietinbank mang tên Phan Thị Hồng O, số 0711A55773605, quá trình điều tra xác định các thẻ này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Cao T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Cao T mức án chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trương Thị Cao T có nghĩa vụ hoàn trả cho các ông, bà: Nguyễn Minh H số tiền 1.410.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm mười triệu đồng), bà Lê Thị Hồng N và ông Phan Thành T số tiền 1.300.400.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu bốn trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Thành Tr số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, ông Bùi Công H số tiền 2.170.000.000 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng), Nguyễn Duy Đ số tiền 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng), Lê Thị Hải Y số tiền 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm

triệu đồng), Nguyễn Khắc N số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), Trình Thị Tú V số tiền 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng), Lý Kim K số tiền 3.335.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), Lê Thị N số tiền 18.930.000.000 đồng (mười tám tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 33.950.000.000 đồng (ba mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Trương Thị Cao T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc A số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.1 Tịch thu tiêu hủy:

Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia (E0168) màu đen, số Imel: 357299082233401 (kèm theo sim Vinaphone) máy đã hư hỏng, bị bể nắp phía sau, không còn hoạt động, thu giữ tại nhà của Trương Thị Cao Trương Thị Cao T; 02 (hai) thẻ nhớ (không kiểm tra được nội dung bên trong) và 01 (một) thẻ sim (không kiểm tra được nội dung bên trong); 01 (một) đầu thu Camera có ký hiệu Hikvision (không kiểm tra được nội dung bên trong); 02 (hai) thẻ ATM mang tên Trương Thị Cao T do các Ngân hàng Techcombank, BIDV cấp cho Trương Thị Cao T (không kiểm tra được nội dung bên trong); 03 (ba) thẻ đa năng của Ngân hàng Đông Á cấp cho Trương Thị Cao Trương Thị Cao T, Trương Thị Cao T, Phan Trung N (không kiểm tra được nội dung bên trong); 01 (một) thẻ ATM mang tên Phan Phước T do Ngân hàng Vietcombank cấp cho Tài (không kiểm tra được nội dung bên trong); 01 (một) thẻ tài khoản số 13697888 do Ngân hàng ACB cấp cho Trương Thị Cao Trương Thị Cao T (không kiểm tra được nội dung bên trong) ; 01 (một) thẻ Vietinbank mang tên

Phan Thị Hồng O, số 0711A55773605 (không kiểm tra được nội dung bên trong).

3.2 Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 02 (hai) mặt dây chuyền và 01 (một) đôi bông tai vàng trắng (loại vàng 75%), có trọng lượng chín phân hai; 01 (một) bông tai kim loại màu vàng (loại vàng 98%), có trọng lượng chín phân chín là tài sản của bị cáo Trương Thị Cao T. (Phiếu nhập kho ngày 11 tháng 11 năm 2020).

3.3 Tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án đối với:

Quyền sử dụng đất số CS533325, vào sổ cấp GCN: CS03266 ngày 27/8/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho Trương Thị Cao Trương Thị Cao T; quyền sử dụng đất số CS533380, vào sổ cấp GCN: CS03267 ngày 27/8/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho Trương Thị Cao T (hai thửa đất số 602, 603 cùng thuộc tờ bản đồ số 18, diện tích lần lượt là 300,2m² và 299m², tại: Ấp 5, xã L, huyện Z, tỉnh Bình Phước tại Lệnh Kê biên tài sản Số 02/VPCQCSĐT ngày 01/7/2020).

3.4. Hủy bỏ kê biên đối với: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Civic RS, mang biển kiểm soát 61A-612.19, có số khung, số máy không đổi. Số khung: MRHFC1680KT030227, số máy: L15B74621086 theo Kết luận giám định số 745/SKSM – PC09 ngày 12/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, tình trạng xe được mô tả theo biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 04/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, không kiểm tra được tất cả tình trạng bên trong xe; quyền sử dụng diện tích 100m² đất thửa số 516, tờ bản đồ số 41, tại phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (được kê biên theo các Lệnh kê biên số 01/VPCQCSĐT và số 03/VPCQCSĐT ngày 01/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương).

3.5. Giao cho Ngân hàng TMCP P01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Civic RS, mang biển kiểm soát 61A-612.19, có số khung, số máy không đổi. Số khung: MRHFC1680KT030227, số máy: L15B74621086 theo Kết luận giám định số 745/SKSM – PC09 ngày 12/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, tình trạng xe được mô tả theo biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 04/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, không kiểm tra được tất cả tình trạng bên trong xe; quyền sử dụng diện tích 100m² đất thửa số 516, tờ bản đồ số 41, tại phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương để xử lý tài sản thế chấp, đảm bảo khoản vay giữa Trương Thị Cao T với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P– Chi nhánh Bình Dương Phòng giao dịch D, tỉnh Bình Dương. Việc xử lý các tài sản thế chấp, nếu các bên có tranh chấp được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

(Vật chứng được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; biên bản giao nhận tài sản ngày 11/11/2020 giữa Kho bạc Nhà nước Việt Nam và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Phiếu nhập kho ngày 11/11/2020).

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trương Thị Cao T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 137.155.400 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo(4);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Bị hại (11);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (14);
- Lưu: HSVA, Tòa HS, Tổ HCTP, NTS .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang

